

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Văn Phúc*

Một trong những nội dung quan trọng trong sứ mệnh của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là đào tạo nguồn nhân lực TDTT chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu, chuyên giao khoa học và công nghệ TDTT. Chính vì vậy, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là đơn vị đầu tiên của Ngành TDTT được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo Sau đại học (SĐH) từ năm 1992. Cho tới nay, rất nhiều cán bộ được đào tạo SĐH tại Trường đã trở thành Phó Giáo sư, những cán bộ khoa học có uy tín của Ngành TDTT.

Sau 26 năm đào tạo SĐH, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã đào tạo được 24 khóa cao học và đang tiếp tục đào tạo 2 khóa (với tổng số 2354 học viên, trong đó có 1970 học viên đã tốt nghiệp và được cấp bằng thuộc chuyên ngành GDTC và chuyên ngành HLTT), 06 khóa NCS tiến sĩ với tổng số 73 học viên (chuyên ngành GDTC và chuyên ngành HLTT), trong đó có 15 học viên đã hoàn thành chương trình học tập và được cấp bằng Tiến sĩ. Đây là một trong những

thành tích quan trọng, khẳng định vị trí của Nhà trường trong công tác đào tạo nguồn nhân lực TDTT chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp TDTT và góp phần tích cực phục vụ nhiệm vụ CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

Sau 26 năm đào tạo SĐH, bên cạnh các các kết quả đã đạt được, để đáp ứng yêu cầu xã hội ngày càng cao và hướng tới mục tiêu xây dựng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thành Trường trọng điểm Quốc gia thì việc tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo SĐH là một trong những nhiệm vụ quan trọng vừa mang tính chiến lược vừa mang tính cấp bách.

1. Thực trạng công tác đào tạo Sau Đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

1.1. Thực trạng quy mô và kết quả đào tạo

Từ năm 1992 tới nay, Trường đã đào tạo 24 khóa, đang đào tạo 2 khóa cao học và 06 khóa NCS. Cụ thể về quy mô đào tạo được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng quy mô đào tạo Sau đại học Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (tính đến tháng 12/2017)

Khoá Cao học	Năm	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	Giới tính		Thành phần			Tốt nghiệp	
				Nam	Nữ	CBQL	GV	HLV	Đã TN	Chưa TN
1-11	1992 -2002	306	301	231	70	71	189	41	301	
12-21	2003-2012	1163	1158	843	315	52	1059	47	1156	
22-26	2013-2017	895	895	661	234	70	698	127	513	365
Tổng số		2364	2354	1735	619	193	1946	215	1970	365
Tỷ lệ %			99.58	73.7	26.3	8.4	85.6	6	98.89	
Khoá NCS	Năm	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	Giới tính		Thành phần		Tốt nghiệp		
				Nam	Nữ	GV	Khác	Đã TN	Chưa TN	
1	2011	11	11	8	3	10	1	8	3	
2	2012	15	12	10	2	8	4	5	7	
3	2013	15	10	8	2	8	2	2	8	
4	2014	15	14	12	2	12	2	0	14	
5	2015	15	15	10	5	14	1	0	15	
6	2016	15	11	8	3	10	1	0	11	
Tổng số		86	73	56	17	62	11	15	58	
Tỷ lệ %			84.88	76.71	23.29	84.93	15.07	45.45		

*PGS.TS, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

Qua bảng 1 cho thấy:

Ở đối tượng cao học, tỷ lệ tuyển sinh được đạt 99.58% so với chỉ tiêu, trong khi tỷ lệ tuyển NCS chỉ đạt 84.88% chỉ tiêu. Về giới tính: Cả đối tượng cao học và NCS nam đều chiếm trên 70%. Về thành phần người học: Ở cả cao học và NCS chủ yếu là giảng viên (gần 85%), các đối tượng khác chiếm tỷ lệ ít hơn.

Về tỷ lệ tốt nghiệp (không tính số học viên chưa tới hạn tốt nghiệp): Tỷ lệ tốt nghiệp ở học viên cao học đạt 98.89% (số chưa tốt nghiệp do bảo lưu kết quả học hoặc thiếu chứng chỉ ngoại ngữ); Tỷ lệ NCS bảo vệ thành công luận án là 45.45% (số còn lại được ra hạn tiến độ theo quy định hoặc đã bảo vệ cơ sở nhưng chưa bảo vệ cấp trường).

Như vậy, có thể thấy Nhà trường đã đảm bảo quy mô đào tạo theo chỉ tiêu được phân.

Bảng 2. Thực trạng chương trình đào tạo sau đại học tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Trình độ	Năm ban hành Chương trình	Áp dụng cho khóa	Thời gian đào tạo	Tổng số môn học	Tổng số giờ	ĐVHT
Thạc sĩ	1992 - 1997	1-6	3 năm	14	1250	83
	1998 - 2008	7-17	3 năm	18	1585	106
	2008 -2015	18 - 23	2 năm	13	675	45
	2015 đến nay	24-26	2 năm	17	900	60
Tiến sĩ	2011	Khóa 1 đến nay	4 năm	6	180	12

Qua bảng 2 cho thấy: Chương trình đào tạo SDH đã được xem xét, điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với yêu cầu thực tế. Tuy nhiên, trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ bùng nổ, đòi hỏi phải liên tục cập nhật các kiến thức mới, loại bỏ các kiến thức không còn phù hợp. Mặt khác, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh mới được giao đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Huấn luyện thể thao, vì vậy, cần cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu mới.

2. Thực trạng công tác tổ chức giảng dạy, quản lý hoạt động đào tạo Sau đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

2.1. Về lực lượng cán bộ giảng dạy và hướng dẫn khoa học

Kết quả thống kê thực trạng đội ngũ cán bộ giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được trình bày tại bảng 3.

1.2. Thực trạng hình thức đào tạo

Từ năm 1992 tới năm 2008, đào tạo Cao học được tiến hành trong 3 năm theo hình thức tập trung theo kỳ. Từ năm 2008 tới nay, đào tạo cao học được tiến hành theo chương trình 2 năm, tập trung theo kỳ. Đối với NCS thời gian đào tạo là 3 năm theo hình thức tập trung và 4 năm theo hình thức không tập trung. Việc tổ chức các hình thức đào tạo này đảm bảo cho học viên cao học và NCS vừa có thể tham gia học tập, vừa có thể công tác, lại đảm bảo đủ thời gian để học viên, NCS hoàn thành luận văn, luận án tốt nghiệp khoa học đảm bảo chất lượng.

1.3. Thực trạng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo SDH tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã nhiều lần được điều chỉnh để phù hợp với thực tế. Cụ thể được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 3 cho thấy: Lực lượng cán bộ khoa học có học hàm, học vị cơ hữu và thỉnh giảng giai đoạn 2014 đến nay tham gia giảng dạy và chỉ đạo luận văn tăng nhiều so với các giai đoạn trước. Trước năm 2013 số lượng cán bộ khoa học tham gia giảng dạy 34 người (hiện nay là 35), trong đó cơ hữu 15 (hiện nay là 26) và thỉnh giảng 19 (hiện nay là 9), cán bộ tham gia hướng dẫn luận văn 74 người (hiện nay là 94). Sự gia tăng mạnh số lượng cán bộ cơ hữu thể hiện sự chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học đáp ứng các nhiệm vụ của Nhà trường trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, ở một số môn như: Triết học, Giáo dục học chưa có cán bộ giảng dạy cơ hữu, Trường phải mời giảng viên ngoài ngành hoặc mời một số Thạc sĩ là giảng viên chính lâu năm tham gia giảng dạy. Điều này hiện vẫn là khó khăn trong công tác đào tạo SDH của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Bảng 3. Thực trạng cán bộ giảng dạy và hướng dẫn khoa học trong đào tạo sau đại học tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Giai đoạn	Cán bộ khoa học	Giảng dạy	Chỉ đạo luận văn	Học hàm, học vị				
				GS.TS	PGS.TS	TS	PGS	Th.S
1992 - 2008	Trong trường	8	8	1	4	4		4
	Ngoài trường	10	25	2	9	14	1	
	Ngoài ngành	7			2	5		
Tổng số		25	33	3	15	23	1	4
2009 - 2013	Trong trường	15	29	2	6	21		
	Ngoài trường	12	34	4	4	25	1	
	Ngoài ngành	7	11		1	10		
Tổng số		34	74	6	11	56	1	
2014-2017	Trong trường	26	52	2	10	39		
	Ngoài trường	8	42	4	9	29		
	Ngoài ngành	1				1		
Tổng số		35	94	6	19	69		

2.2. Về tổ chức quản lý đào tạo

Công tác đào tạo SDH hiện nay vẫn tập trung theo từng học kỳ. Ngoài việc bảo đảm các môn học quy định theo chương trình đào tạo, việc lựa chọn đề tài và tiến hành nghiên cứu luận văn tốt nghiệp đã được đổi mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi, đúng tiến độ nghiên cứu. Cụ thể: Học viên sau khi nhận giáo viên hướng dẫn sẽ được tư vấn chọn hướng nghiên cứu đúng với ngành học lựa chọn và sát với công việc của học viên, sau đó xây dựng đề cương nghiên cứu. Nhà trường thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề cương nghiên cứu của học viên với mục đích xác định tính cấp thiết tính khoa học và khả thi của vấn đề nghiên cứu, định hướng nội nghiên cứu chi tiết. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu Nhà trường chưa tiến hành kiểm tra tiến độ nghiên cứu hàng năm đối với học viên cao học (đối với NCS đã được tổ chức kiểm tra tiến độ nghiên cứu hàng năm theo kế hoạch năm đã đăng ký). Điều này phần nào ảnh hưởng tới kết quả nghiên cứu của học viên. Quy trình bảo vệ luận văn tốt nghiệp được tiến hành theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đánh giá chung về công tác đào tạo Sau đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

3.1. Ưu điểm

- Đảm bảo quy mô đào tạo theo đúng chỉ tiêu đặt ra.

- Chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của xã hội.

- Tổ chức đào tạo luôn được thực hiện theo đúng qui chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo từ khâu tuyển sinh đến quá trình học tập và bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp. Toàn bộ qui trình đào tạo được qui định cụ thể và công khai cho người học. Các biện pháp tăng cường kiểm tra quản lý người học đã được triển khai có hiệu quả.

- Nội dung chương trình đào tạo luôn được cập nhật, cải tiến điều chỉnh theo hướng mở, linh hoạt, phù hợp xu thế hiện nay trong khu vực và thế giới. Phương pháp đánh giá phản ánh đúng chất lượng đào tạo. Giáo trình, tài liệu tham khảo từng bước được nâng cao cả về chất lượng và số lượng, thỏa mãn nhu cầu người học.

- Đã huy động được đội ngũ giảng viên trong và ngoài ngành có đủ phẩm chất, có nhiệt tình và năng lực tham gia giảng dạy các khoá học; Cơ sở vật chất và các trang thiết bị nghiên cứu hiện đại được bổ sung phục vụ công tác đào tạo nói chung và đào tạo SDH nói riêng.

3.2. Những vấn đề cần khắc phục

- Chương trình, nội dung các môn học cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện trong tổng thể hệ thống kiến thức từ đại học đến cao học và tiến sĩ, đảm bảo tính liên thông và tính kế thừa giữa các bậc học.

- Cách thức quản lý học viên trong quá trình học tập nghiên cứu chưa đạt hiệu quả cao, chưa



Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đã và đang đào tạo 73 NCS, trong đó có 15 NCS đã tốt nghiệp và được trao bằng Tiến sĩ. (Ảnh: GS.TS. Nguyễn Đại Dương, Hiệu trưởng chụp ảnh lưu niệm cùng các NCS được nhận bằng Tiến sĩ đợt 2 năm 2017)

kiểm soát được chất lượng học tập và nghiên cứu thật sự. Chưa thành lập được các nhóm nghiên cứu theo từng chuyên ngành để hỗ trợ nhau trong quá trình học tập, nghiên cứu cũng như tận dụng được kiến thức của giáo viên hướng dẫn trong quá trình tiến hành nghiên cứu luận văn, luận án.

- Các hình thức đào tạo chưa đa dạng. Việc liên kết với các đơn vị đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của học viên còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo SDH còn hạn chế.

- Công tác quản lý học viên còn chưa đạt hiệu quả cao.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo Sau đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

4.1. Tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo SDH tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực TDTT, có phẩm chất đạo đức và có trình độ cao về kiến thức lý luận và kỹ năng thực hành, có khả năng nghiên cứu độc lập và giảng dạy ở các bậc đào tạo Ngành TDTT, có những kỹ năng, phẩm chất và bản lĩnh cao của cán bộ quản lý ngành TDTT... Trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, chương trình đào tạo cũng cần được cập nhật, rà soát để

loại bỏ những kiến thức không còn phù hợp, bổ sung các kiến thức mới, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và thực tiễn, đồng thời phân hóa được khối lượng kiến thức giữa các trình độ đào tạo.

Với tinh thần ấy, chúng tôi xin nêu lên một số biện pháp cụ thể sau:

- Thành lập Hội đồng rà soát và điều chỉnh nội dung kiến thức trong chương trình đào tạo SDH theo từng chuyên ngành.

- Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến người học và người sử dụng cán bộ về yêu cầu đối với chương trình đào tạo.

- Tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu chính thức phục vụ giảng dạy SDH.

4.2. Phân nhóm chuyên gia hướng dẫn và người học

Hiện tại, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đào tạo SDH đa ngành, mỗi ngành lại có những đặc điểm riêng, yêu cầu công việc riêng nên đòi hỏi được trang bị những kiến thức chuyên môn phù hợp. Để công tác học tập, nghiên cứu của học viên SDH thu được hiệu quả thiết thực cần thực hiện:

- Phân nhóm chuyên gia giảng dạy, cán bộ hướng dẫn theo từng chuyên ngành riêng, từ đó đưa ra những định hướng nghiên cứu, cập nhật các kiến thức mới theo từng chuyên ngành học cho phù hợp, đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các chuyên gia, cán bộ hướng dẫn và học viên.

- Phân lớp học viên theo chuyên ngành để thuận tiện cho việc học tập, nghiên cứu khoa học

- Tổ chức các buổi tọa đàm khoa học theo từng chuyên ngành học có sự tham gia của các nhóm chuyên gia và học viên để trao đổi học thuật, phổ biến các kiến thức mới, các định hướng nghiên cứu mới, giới thiệu kết quả các công trình nghiên cứu nổi bật trong lĩnh vực nghiên cứu, giúp học viên cập nhật các kiến thức khoa học mới trong lĩnh vực đào tạo.

- Tăng cường đào tạo lý thuyết gắn với chuyên môn thực hành theo chuyên ngành đăng ký của học viên.

- Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo SDH với NCKH. Đẩy mạnh tích hợp các đề tài luận án tiến

sĩ, luận văn thạc sĩ vào các đề tài NCKH các cấp.

4.3. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, phát huy các hình thức liên kết đào tạo quốc tế và khu vực để thực hiện tốt chiến lược hội nhập và nâng cao chất lượng đào tạo Sau đại học

Trong xu hướng phát triển và hội nhập quốc tế, ngày càng có nhiều cơ sở đào tạo trong và ngoài nước đào tạo SDH trong lĩnh vực TĐTT. Đây là thách thức (mang tính cạnh tranh) nhưng cũng là cơ hội thuận lợi cho Nhà trường trong việc đa dạng hóa các hình thức đào tạo cũng như liên kết đào tạo quốc tế. Các giải pháp cụ thể:

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo SDH với các cơ sở đào tạo SDH trong và ngoài nước thông qua ký kết hợp tác đào tạo; Đề án hợp tác đào tạo; Dự án hợp tác đào tạo; Thông qua trao đổi giảng viên và học viên với các trường hợp tác...

- Cập nhật chương trình đào tạo SDH của các nước tiên tiến để có những điều chỉnh phù hợp cho chương trình đào tạo của Trường

- Chú ý trong quá trình hợp tác cần đặt mục đích chuyển giao công nghệ đào tạo tiên tiến trong quá trình đào tạo. Linh hoạt các hình thức chuyển giao như: Chuyển giao chương trình; Phương thức quản lý đào tạo; Mời giảng; trao đổi học viên...

- Vấn đề kinh phí đào tạo cần phù hợp với điều kiện người học và điều kiện đào tạo của Nhà trường, tạo hiệu quả tối ưu cho người học.

4.4. Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng thuận tiện nhất cho người học nhưng vẫn đảm bảo trang bị toàn diện các kiến thức trong chương trình học

Đối tượng đào tạo SDH rất đa dạng và có thời gian rảnh khác nhau (tùy thuộc vào tính chất công việc của người học). Phương thức đào tạo hiện tại được sử dụng tại Trường là đào tạo tập trung, phù hợp cho những đối tượng có điều kiện về mặt thời gian. Với những cán bộ quản lý và nhất là cán bộ chủ chốt rất ít thời gian theo học sẽ gặp nhiều khó khăn nên cần kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo khi giao chỉ tiêu đào tạo cần lưu ý đó là chỉ tiêu đầu ra, các trường chủ động có phương thức đào tạo phù hợp và tổ chức kiểm tra chặt trong quá trình đào tạo. Đồng thời, khi xây dựng các phương thức đào tạo phải hướng tới người học, tạo điều kiện để người học chủ động, tích cực trong học tập. Có như vậy

mới mở rộng được quy mô đào tạo, cập nhật được lượng kiến thức tối ưu cho học viên và thỏa mãn nhu cầu học tập ngày càng tăng của xã hội.

4.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập và nghiên cứu

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là bộ phận quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo SDH, chúng có thể vừa là phương tiện để nhận thức, vừa là đối tượng chứa nội dung cần nhận thức. Các biện pháp cần tiến hành:

- Khai thác hiệu quả các cơ sở vật chất, thiết bị sẵn có của Trường (Hệ thống học liệu; Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, học tập; Trang thiết bị phục vụ giảng dạy...) để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

- Giữ lại một phần kinh phí đào tạo để tái đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

- Tăng cường xã hội hóa và huy động các nguồn lực tài chính để trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

4.6. Tích cực đổi mới công tác quản lý trong đào tạo Sau đại học

Đề hoạt động quản lý đào tạo SDH tại Trường có hiệu quả cần hoàn thiện các quy chế, hệ thống các văn bản pháp quy cụ thể, thống nhất và xây dựng cơ chế quản lý hiệu quả, phối hợp tốt giữa các đơn vị chức năng có liên quan trong và ngoài trường. Cụ thể:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, các quy chế, quy định đào tạo SDH của Trường trên cơ sở các quy định ban hành của các Bộ, ngành có liên quan.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đào tạo

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức đào tạo SDH, đảm bảo nhanh, hiệu quả, chính xác.